

THÔNG BÁO ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

**Đấu giá Quyền sử dụng đất đối với 30 lô đất ở, Mặt bằng quy hoạch
khu dân cư mới xã An Nông, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.**

Tổ chức đấu giá tài sản: Công ty đầu giá hợp danh Nhất An Phú - Chi nhánh Thanh Hóa, địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà VCCI, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đơn vị có tài sản đấu giá: UBND huyện Triệu Sơn, địa chỉ: Thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1. Tài sản đấu giá, diện tích, giá khởi điểm, tiền mua hồ sơ, tiền đặt trước:

- Quyền sử dụng đất đối với 30 lô đất ở, Mặt bằng quy hoạch khu dân cư mới xã An Nông, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Tổng diện tích đấu giá (30 lô): **4.700,68 m².**

- Hiện trạng: Khu đất hiện tại đã hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và đầu tư hạ tầng theo mặt bằng quy hoạch đã phê duyệt.

- Tổng giá trị quyền sử dụng đất khởi điểm của các lô đấu giá: **28.085.520.000 đồng**, cụ thể như sau:

STT	Ký hiệu lô (Tên lô đất)	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Tiền đặt trước/01 hồ sơ (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng/bộ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	BT-02	250,00	1.375.000.000	275.000.000	500.000	
2	BT-03	250,00	1.375.000.000	275.000.000	500.000	
3	BT-04	250,00	1.375.000.000	275.000.000	500.000	
4	BT-05	250,00	1.375.000.000	275.000.000	500.000	
5	BT-06	250,00	1.375.000.000	275.000.000	500.000	
6	BT-07	250,00	1.375.000.000	275.000.000	500.000	
7	E-09	195,32	1.230.516.000	246.103.200	500.000	Tiếp giáp Công viên

8	F-17	158,00	1.137.600.000	227.520.000	500.000	Hai mặt đường (hệ số 1,2)
9	G-01	170,75	1.229.400.000	245.880.000	500.000	Hai mặt đường (hệ số 1,2)
10	G-02	125,00	750.000.000	150.000.000	500.000	
11	G-03	125,00	750.000.000	150.000.000	500.000	
12	G-04	125,00	750.000.000	150.000.000	500.000	
13	G-05	125,00	750.000.000	150.000.000	500.000	
14	G-06	125,00	750.000.000	150.000.000	500.000	
15	G-07	125,00	750.000.000	150.000.000	500.000	
16	G-08	138,87	833.220.000	166.644.000	500.000	
17	G-09	139,12	834.720.000	166.944.000	500.000	
18	G-10	125,00	750.000.000	150.000.000	500.000	
19	G-11	125,00	750.000.000	150.000.000	500.000	
20	G-12	125,00	750.000.000	150.000.000	500.000	
21	G-13	125,00	750.000.000	150.000.000	500.000	
22	G-14	125,00	750.000.000	150.000.000	500.000	
23	G-15	125,00	750.000.000	150.000.000	500.000	
24	G-16	125,00	750.000.000	150.000.000	500.000	
25	G-17	125,00	750.000.000	150.000.000	500.000	
26	G-18	125,00	750.000.000	150.000.000	500.000	
27	G-19	125,00	750.000.000	150.000.000	500.000	
28	G-20	125,00	750.000.000	150.000.000	500.000	
29	G-21	125,00	750.000.000	150.000.000	500.000	
30	G-22	148,62	1.070.064.000	214.012.800	500.000	Hai mặt đường (hệ số 1,2)
Tổng		4.700,68	28.085.520.000			

Lưu ý: Mức giá trên đã bao gồm chi phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật, không bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở theo quy định hiện hành.

2. Mục đích, hình thức giao đất, thời gian sử dụng đất:

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở.
- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.
- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

3. Đối tượng và điều kiện được đăng ký tham gia đấu giá:

3.1. Đối tượng được tham gia đấu giá: Hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 55 Luật Đất đai; Có đủ điều kiện được đăng ký tham gia đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 38 Luật Đấu giá tài sản 2016 và Điều 4 Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 17/09/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

3.2. Điều kiện được đăng ký tham gia đấu giá:

- Có đơn đề nghị tham gia đấu giá theo mẫu Công ty phát hành;
- Có bản cam kết của người tham gia đấu giá về việc: Đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá, người tham gia đấu giá không còn nợ đọng tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các khoản nộp ngân sách khác trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá;
- Trong cùng 01 (một) lô đất, một hộ gia đình chỉ được một cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tham gia đấu giá lô đất đó;
- Có hồ sơ tham gia đấu giá, hợp lệ theo quy định;
- Nộp đủ tiền đặt trước và tiền mua hồ sơ tương ứng với số lượng, vị trí lô đất đăng ký tham gia đấu giá.

4. Hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá gồm có:

- Đơn đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu (Có đóng dấu treo của Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú - CN Thanh Hóa);
- Bản cam kết của người đăng ký tham gia đấu giá;
- Bản sao Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (còn thời hạn) và sổ hộ khẩu;
- Chứng từ xác định việc nộp khoản tiền (phí) mua hồ sơ;
- Hợp đồng uỷ quyền có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

5. Hình thức đấu giá và Phương thức đấu giá:

- Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá.
- Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.
- Cách thức tổ chức đấu giá: Đấu giá với từng lô đất. Trả giá theo lô đất.

6. Thời gian, địa điểm xem tài sản (trong giờ hành chính):

- Thời gian: Liên tục trong 02 ngày, ngày **21/02/2023** và ngày **22/02/2023**.

- **Địa điểm:** Tại thực địa khu đất đấu giá (*Khách hàng liên hệ với UBND xã An Nông, huyện Triệu Sơn hoặc Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú - Chi nhánh Thanh Hóa*).

Lưu ý: Người tham gia đấu giá có thể chủ động đi xem tài sản khu đất đấu giá trong khoảng thời gian từ ngày niêm yết thông báo đấu giá đến hết thời gian thu hồ sơ đấu giá.

7. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, tiếp nhận/nộp hồ sơ tham gia đấu giá (trong giờ hành chính):

- **Thời gian:** Từ 8h00 phút ngày 20/02/2023 đến 16h30 phút ngày 05/03/2023.

- **Chốt nộp hồ sơ:** Từ 8h00 phút đến 16h30 phút ngày 05/03/2023.

- **Địa điểm:** Tại Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú - Chi nhánh Thanh Hóa và tại Ủy ban nhân dân xã An Nông, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

8. Nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá:

- Thời gian nộp trong thời hạn 03 ngày làm việc trước ngày tổ chức cuộc đấu giá, cụ thể: Ngày 03/03/2023; Ngày 06/03/2023 và đến 11 giờ 30 phút ngày 07/03/2023.

- Người đăng ký tham gia đấu giá nộp bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của tổ chức đấu giá tài sản theo thông tin sau:

+ Đơn vị thụ hưởng: Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú.

+ Số tài khoản: 3531238123999.

+ Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh số 3 Thanh Hóa, Địa chỉ: Số 248 Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

+ Nội dung: “**Họ tên người đăng ký tham gia đấu giá (số CMND/CCCD)...**, nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá QSD đất đối với ... (số lượng) lô đất tại xã An Nông, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa”.

Lưu ý: Thời gian nộp tiền đặt trước căn cứ thông tin số dư tài khoản hiển thị trên hệ thống ngân hàng của Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú - Chi nhánh Thanh Hóa tính đến 11 giờ 30 phút ngày 07/03/2023.

9. Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá:

- **Thời gian:** Vào hồi 14h00 phút ngày 08/03/2023 (Thứ Tư).

- **Địa điểm:** Tại Hội trường UBND xã An Nông, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Lưu ý:

- Người tham gia đấu giá khi đến tham dự cuộc đấu giá phải xuất trình bản chính CMND/CCCD/HC (còn thời hạn) hoặc sổ hộ khẩu và chứng từ xác định việc đã nộp khoản tiền đặt trước.

- Người tham gia đấu giá cần đến trước thời gian tổ chức cuộc đấu giá tối thiểu là 15 phút để làm thủ tục vào phòng đấu giá.

- Tại cuộc đấu giá, nếu khách hàng vắng mặt hoặc không có mặt đúng thời gian và địa điểm mà không thuộc trường hợp bất khả kháng thì số tiền đặt trước sẽ bị xử lý theo quy định của Luật đấu giá tài sản.

Mọi thông tin liên hệ: Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú - Chi nhánh Thanh Hóa, địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà VCCI, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, số điện thoại: 0974.487.448 hoặc 0942.738.991.

Nơi nhận:

- UBND huyện Triệu Sơn;
- Phòng TN&MT huyện Triệu Sơn;
- UBND xã An Nông;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Đài phát thanh và truyền hình tỉnh Thanh Hóa;
- Báo Thanh Hóa;
- Các điểm niêm yết;
- Lưu HS, VT./.

**CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH
NHẤT AN PHÚ - CHI NHÁNH
THANH HÓA**



CHỦ TỊCH HĐQT
Phạm Thị Chương

STT	Ký hiệu lô (Tên lô đấu)	Tổng diện tích (m ²)	Tổng giá trị quyền sử dụng đất (đồng/lô)	Tổng giá trị quyền sử dụng đất (đồng/bộ)	Ghi chú
1	2/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
2	3/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
3	4/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
4	5/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
5	6/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
6	7/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
7	8/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
8	9/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
9	10/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
10	11/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
11	12/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
12	13/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
13	14/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
14	15/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
15	16/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
16	17/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
17	18/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
18	19/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
19	20/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
20	21/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
21	22/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
22	23/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
23	24/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
24	25/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
25	26/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
26	27/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
27	28/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
28	29/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
29	30/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
30	31/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
31	32/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
32	33/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
33	34/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
34	35/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
35	36/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
36	37/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
37	38/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
38	39/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
39	40/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
40	41/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
41	42/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
42	43/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
43	44/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
44	45/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
45	46/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
46	47/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
47	48/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
48	49/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
49	50/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
50	51/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
51	52/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
52	53/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
53	54/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
54	55/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
55	56/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
56	57/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
57	58/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
58	59/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
59	60/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
60	61/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
61	62/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
62	63/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
63	64/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
64	65/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
65	66/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
66	67/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
67	68/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
68	69/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
69	70/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
70	71/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
71	72/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
72	73/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
73	74/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
74	75/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
75	76/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
76	77/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
77	78/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
78	79/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
79	80/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
80	81/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
81	82/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
82	83/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
83	84/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
84	85/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
85	86/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
86	87/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
87	88/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
88	89/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
89	90/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
90	91/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
91	92/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
92	93/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
93	94/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
94	95/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
95	96/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
96	97/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
97	98/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
98	99/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	
99	100/	210 m ²	210.000.000	210.000.000	